

## HODA NATURAL SAND - HNS

**Hoda Natural Sand HNS** là sản phẩm sơn hiệu ứng cao cấp, được thiết kế để mô phỏng kết cấu và vẻ đẹp tự nhiên của đá sa thạch. Với bề mặt hạt cát mịn, sản phẩm tạo ra hiệu ứng ánh sáng và màu sắc tươi sáng. Sản phẩm được phối trộn tinh tế mang lại độ sâu và sự chuyển giao màu sắc, làm nổi bật vẻ đẹp sang trọng và tự nhiên của đá sa thạch. Ngoài ra, HNS còn sở hữu tính năng vượt trội về độ bền và khả năng kháng nước, bảo vệ bề mặt khỏi các yếu tố môi trường khắc nghiệt. Đây là lựa chọn lý tưởng cho các ứng dụng trang trí ngoại thất và nội thất, kết hợp giữa thẩm mỹ tinh tế và hiệu suất vượt trội.

### ỨNG DỤNG

**Hoda Natural Sand HNS** có khả năng kết dính vượt trội trên nhiều loại bề mặt như xi măng, thạch cao, ván ép, và các vật liệu xây dựng khác. Sản phẩm không chỉ tạo ra lớp phủ trang trí đẹp mắt mà còn có tính năng gia cố và sửa chữa các lỗi xây dựng cơ bản, đảm bảo bề mặt hoàn thiện đồng đều và bền bỉ.

### ĐẶC ĐIỂM

- Chống rêu mốc
- Độ bám dính tốt
- Độ bền thời tiết cao
- Kháng nước, kháng kiềm hóa tốt
- Màu sắc đa dạng
- Không độc hại, ít mùi, thân thiện với môi trường
- Hàm lượng chất hữu cơ bay hơi (VOC) thấp.

### ĐẶC TÍNH VẬT LIỆU

|                         |                                                   |
|-------------------------|---------------------------------------------------|
| <b>Tên sản phẩm</b>     | Hoda Natural Sand - HNS                           |
| <b>Trạng thái</b>       | Dạng paste                                        |
| <b>Màu sắc</b>          | Đa dạng, có ánh kim                               |
| <b>Thời gian khô</b>    | Khô bề mặt: 1 – 2 giờ.<br>Khô thấu: $\geq 4$ giờ. |
| <b>Độ pH</b>            | 8,0 – 9,0                                         |
| <b>Độ nhớt</b>          | 200.000 – 600.000 cP                              |
| <b>Dụng cụ thi công</b> | Súng phun chuyên dụng                             |
| <b>Định mức vật tư</b>  | 2,0 – 2,5 kg/m <sup>2</sup>                       |
| <b>Đóng gói</b>         | 25 kg/thùng, 10 kg/thùng                          |
| <b>Bảo quản</b>         | 6 tháng trong thùng kín, nơi khô ráo              |

## QUY TRÌNH THI CÔNG

| Trình tự thi công         | Vật liệu                                                                                                                                                          | Định mức vật liệu            | Dụng cụ thi công        | Thời gian chuyển tiếp giữa các lớp |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------|------------------------------------|
| <b>1. Chuẩn bị bề mặt</b> | Bề mặt kiến trúc phải sạch, hoàn chỉnh, không nứt nẻ, độ ẩm tường $\leq 22\%$ . Có thể xử lý các vết nứt (nếu có) hoặc xử lý phẳng bề mặt bằng vữa hồ hay Mastic. |                              |                         |                                    |
| <b>2. Lớp lót</b>         | HCP                                                                                                                                                               | 0,08 – 0,10 L/m <sup>2</sup> | Cọ tay/ Rulo/ Súng phun | > 2 giờ                            |
|                           | HCS                                                                                                                                                               |                              |                         |                                    |
| <b>3. Lớp nền</b>         | Hoda Mastic - W                                                                                                                                                   | 1,5 – 1,7 kg/m <sup>2</sup>  | Phểu phun/ Dao trét     | > 2 giờ                            |
|                           | Hoda Mastic – WS                                                                                                                                                  |                              |                         |                                    |
|                           | Hoda Mastic - S                                                                                                                                                   |                              |                         |                                    |
|                           | Hoda Mastic –WP                                                                                                                                                   |                              |                         |                                    |
| <b>4. Lớp hoàn thiện</b>  | Hoda Natural Sand – HNS                                                                                                                                           | 2,0 – 2,5 kg/m <sup>2</sup>  | Phểu phun 4 - 6 mm      | > 4 giờ                            |
| <b>5. Lớp phủ</b>         | HTC PU                                                                                                                                                            | 0,08 – 0,10 L/m <sup>2</sup> | Cọ tay/ Rulo/ Súng phun | > 2 giờ                            |
|                           | HTC UV                                                                                                                                                            |                              |                         |                                    |

## CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

| Tên chỉ tiêu                                     | Đơn vị | Mức chất lượng                                                                                               | Phương pháp thử  |
|--------------------------------------------------|--------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>Cường độ bám dính</b>                         | MPa    | $\geq 0,30$                                                                                                  | ASTM D 7234-12   |
| <b>Khả năng kháng nước</b>                       | -      | Màng sơn không bị phồng rộp sau khi ngâm nước 96 giờ                                                         | JIS K 5400:1990  |
| <b>Khả năng kháng kiềm</b>                       | -      | Màng sơn không bị phồng rộp sau khi ngâm dung dịch Ca(OH) <sub>2</sub> bão hòa sau 48 giờ                    | JIS A 6909:1984  |
| <b>Độ rửa trôi</b>                               | -      | Sau 1200 chu kỳ, màng sơn không bị bào mòn đến lộ bề mặt nền                                                 | TCVN 8653-4:2012 |
| <b>Chu kì nóng lạnh</b>                          | -      | Màng sơn không phồng rộp, bong tróc, nứt, không có sự khác biệt lớn về màu sắc sau 50 chu kì chịu nóng lạnh. | TCVN 8653-5:2012 |
| <b>Hàm lượng chất hữu cơ bay hơi</b>             | g/L    | $\leq 50$                                                                                                    | ISO 11890-2:2013 |
| <b>Độ bền của lớp phủ theo phương pháp cắt ô</b> | Loại   | $\leq 1$                                                                                                     | TCVN 2097:2015   |

## GHI CHÚ

- Bề mặt vật liệu nền phải được làm sạch và làm khô hoàn toàn, với pH  $\leq 10$  và độ ẩm  $\leq 22\%$  (đo bằng Protimeter mini BLD 2000).
- Trộn đều vật liệu trước khi sử dụng để đảm bảo chất lượng sơn.
- Tránh thi công trong các điều kiện thời tiết không thuận lợi như trời mưa hoặc độ ẩm không khí  $> 85\%$ .
- Hiệu ứng của sơn đá Hoda Natural Sand phụ thuộc vào kích thước đầu béc của súng phun, áp lực hơi và khoảng cách giữa súng phun và bề mặt vật liệu nền.